

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Linh**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA,  
NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CTA VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Linh**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Linh

Mã SV: 1512401090

Lớp: QT1902K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác thanh toán với người mua, người bán tại  
Công ty TNHH CTA Việt Nam.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
  - Lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
  - Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.
  - Chương III. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Suru tầm, lựa chọn số liệu phục vụ công tác kế toán năm 2018 tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.
  - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
  - Các quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - Công ty TNHH CTA Việt Nam.
  - Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ.

Học hàm, học vị: Thạc sĩ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.*

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

Nguyễn Thị Ngọc Linh

Nguyễn Văn Thụ

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2019*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Văn Thụ*

Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*

Họ và tên sinh viên: *Nguyễn Thị Ngọc Linh* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*

Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.*

Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

### 2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thị Ngọc Linh* đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

**Chương 1:** Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định hiện hành.

**Chương 2:** Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

**Chương 3:** Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

### 3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 08 tháng 06 năm 2019

**Giảng viên hướng dẫn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ths. Nguyễn Văn Thụ*

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
<b>CHƯƠNG I : LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....</b>	<b>3</b>
<b>1.1.Các hình thức thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....</b>	<b>3</b>
<i>1.1.1. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt. ....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2.Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt. ....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2.1. Hình thức thanh toán nội địa. ....</i>	<i>4</i>
<b>1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ (TK 131).....</b>	<b>6</b>
<i>1.2.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.6</i>	
<i>1.2.2.Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua. ....7</i>	
<i>1.2.3.Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. .... 9</i>	
<b>1.3. Nội dung thanh toán với người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ (TK331),.....</b>	<b>12</b>
<i>1.3.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán. .... 12</i>	
<i>1.3.2.Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người bán..... 13</i>	
<i>1.3.3. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. .... 15</i>	
<b>1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....</b>	<b>20</b>
<i>1.4.1.Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán. .... 20</i>	
<i>1.4.2.Các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ..... 20</i>	
<b>1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....</b>	<b>24</b>
<i>1.5.1 Hình thức nhật ký chung. .... 24</i>	
<i>1.5.2 Hình thức Chứng từ ghi sổ. .... 26</i>	
<i>1.5.3 Hình thức Nhật ký - Sổ cái. .... 28</i>	
<i>1.5.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính..... 29</i>	
<b>CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN CỦA CÔNG TY TNHH CTA VIỆT NAM.....</b>	<b>31</b>
<b>2.1. Tổng quát về Công ty TNHH CTA Việt Nam. ....</b>	<b>31</b>
<i>2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH CTA Việt Nam. .... 31</i>	

2.1.2.Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh. ....	31
2.1.3.Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	32
2.1.4.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.....	33
2.1.5.Chế độ, chính sách, phương pháp kế toán và hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty.....	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam. ....	36
2.2.1. Đặc điểm, phương thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam. ....	36
2.2.2.Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.....	37
2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng. ....	37
2.2.2.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. ....	40
2.2.3.Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.....	53
2.2.3.1.Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng. ....	53
2.2.3.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. ....	55
<b>CHƯƠNG III : MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CTA VIỆT NAM.....</b>	<b>68</b>
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.....	68
3.1.1.Uưu điểm. ....	68
3.1.2.Hạn chế.....	69
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán.....	70
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	70
3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.....	71
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>83</b>



## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

<b>Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....</b>	<b>25</b>
<b>Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. ....</b>	<b>27</b>
<b>Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....</b>	<b>28</b>
<b>Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính. ....</b>	<b>30</b>
<b>Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty. ....</b>	<b>32</b>
<b>Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty. Chức năng nhiệm vụ của từng thành viên trong phòng kế toán.....</b>	<b>33</b>
<b>Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....</b>	<b>36</b>
<b>Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH CTA Việt Nam. ....</b>	<b>39</b>
<b>Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam. ....</b>	<b>54</b>

## DANH MỤC BIỂU SỐ

<b>Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000754</b> .....	<b>41</b>
<b>Biểu số 2.2: Giấy báo có số 0023510</b> .....	<b>43</b>
<b>Biểu số 2.3: Phiếu thu số 42/12</b> .....	<b>45</b>
<b>Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 000807</b> .....	<b>47</b>
<b>Biểu số 2.6: Sổ cái tài khoản 131-Phải thu khách hàng</b> .....	<b>49</b>
<b>Biểu số 2.7: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng)</b> .....	<b>50</b>
<b>Biểu số 2.8: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương)</b> .....	<b>51</b>
<b>Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng</b> .....	<b>52</b>
<b>Biểu số 2.10: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000680</b> .....	<b>56</b>
<b>Biểu số 2.11: Giấy báo nợ số 0013403</b> .....	<b>58</b>
<b>Biểu số 2.12: Phiếu chi số 27/12</b> .....	<b>60</b>
<b>Biểu số 2.13: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000831</b> .....	<b>62</b>
<b>Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung</b> .....	<b>63</b>
<b>Biểu số 2.15: Sổ cái TK 331 – Phải trả người bán</b> .....	<b>64</b>
<b>Biểu số 2.16: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội)</b> .....	<b>65</b>
<b>Biểu số 2.17: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty TNHH An Hiệp Phát)</b> .....	<b>66</b>
<b>Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán</b> .....	<b>67</b>
<b>Biểu số 3.1: Biên bản đối chiếu công nợ</b> .....	<b>77</b>
<b>Biểu 3.2: Bảng trích lập dự phòng phải thu khó đòi</b> .....	<b>81</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường thì nhân tố quyết định nhất là vấn đề thanh toán. Đối với bất kỳ một hợp đồng kinh tế nào thì vấn đề quan tâm đầu tiên đó là việc thanh toán như thế nào, phương thức thanh toán ra sao và liệu khi tham gia vào hợp đồng có đem lại thuận lợi gì cho doanh nghiệp không. Do vậy, mỗi doanh nghiệp cần phải có những hoạt động nhất định nhằm quản lý tốt nhất hoạt động thanh toán để tạo niềm tin cho các đối tác và cải thiện được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình.

Tình hình tài chính của doanh nghiệp phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Muốn đưa ra một quyết định có ký hợp đồng, có đủ khả năng thanh toán và đảm bảo an toàn và hiệu quả cho doanh nghiệp hay không thì nên xem xét tình hình tài chính của Công ty. Cho nên có thể nói rằng, các nghiệp vụ thanh toán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó.

Với xu thế toàn cầu hóa và hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng đã tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội nhưng bên cạnh đó cũng đưa đến những thách thức lớn. Bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế liên quan tới vấn đề thanh toán như: thanh toán với nhà nước, với cán bộ công nhân viên, thanh toán trong nội bộ, thanh toán với người mua, người cung cấp... Cho nên có thể nói kế toán được coi là ngôn ngữ kinh doanh, là phương tiện giao tiếp giữa doanh nghiệp với các đối tượng có quan hệ.

Trong thời kỳ kinh tế nhiều biến động như hiện nay, đối mặt với nhiều khó khăn thử thách thì các doanh nghiệp nói chung cũng như nói riêng cần phải có những biện pháp để củng cố và phát huy địa vị hơn nữa. Doanh nghiệp muốn quản lý tốt quan hệ thanh toán với người mua, người bán thì cần phải có hệ thống kế toán nói chung và hệ thống kế toán công nợ nói riêng phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Giải quyết tốt vấn đề công nợ là một cách tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH CTA Việt Nam em nhận thấy kế toán thanh toán với người mua, người bán đóng vai trò hết sức quan trọng và được lãnh đạo Công ty hết sức quan tâm. Nhận thức được tầm quan trọng đó, đồng thời với sự giúp đỡ của nhân viên phòng kế toán cùng giáo viên hướng dẫn **Th.S Nguyễn Văn Thụ**, em đã chọn đề tài : **“Hoàn thiện công tác thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam”** để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

***Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:***

Chương I. Lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Chương III. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

***Sinh viên***  
***Nguyễn Thị Ngọc Linh***

# CHƯƠNG I : LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

## 1.1. Các hình thức thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

*Hình thức thanh toán:* Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc,... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Hiện nay, có hai hình thức thanh toán cơ bản: Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

### 1.1.1. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt.

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt là bên mua xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ.

Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu áp dụng cho những giao dịch phát sinh số tiền nhỏ (dưới 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên gần. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều, các doanh nghiệp đang chuyển dần sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng.
- Thanh toán bằng ngoại tệ.
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng.
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, các giấy tờ có giá trị.

### 1.1.2. Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt.

Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt là hình thức thanh toán thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là hình thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như giấy nhờ thu, giấy ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản

của đơn vị này sang tài khoản của đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ.

Hình thức này thường được các doanh nghiệp sử dụng phổ biến vì tiết kiệm thời gian, giảm chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền trong lưu thông, áp dụng trong các giao dịch có số lượng lớn và giá trị cao. Có thể kể ra đây các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu sau :

**1.1.2.1. Hình thức thanh toán nội địa.**

+ Thanh toán bằng Séc:

**Séc** là loại chứng từ do ngân hàng phát hành cho đơn vị có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng sử dụng để thanh toán các khoản tiền, để chi tiêu hoặc để rút tiền mặt từ ngân hàng về quỹ.

**Séc tiền mặt:** Doanh nghiệp dùng để rút tiền mặt từ ngân hàng về quỹ.

**Séc thanh toán:** Doanh nghiệp dùng để thanh toán các khoản chi tiêu, thanh toán các hợp đồng cung ứng, dịch vụ với nhà cung cấp. Séc thanh toán bao gồm nhiều loại như:

**Séc chuyển khoản:** Dùng để thanh toán và mua bán hàng hóa đối với những đơn vị có mở sổ tài khoản và không có giá trị để lĩnh tiền mặt, Séc phát hành chỉ có giá trị trong thời hạn quy định.

**Séc bảo chi:** Là séc chuyển khoản được ngân hàng đảm bảo chi số tiền ghi trên từng tờ séc đó. Khi phát hành séc, đơn vị đưa đến ngân hàng để đóng dấu bảo đảm chi cho tờ séc đó. Séc này dùng để thanh toán chủ yếu giữa các đơn vị mua bán vật tư, hàng hóa, cung ứng dịch vụ,... có mở sổ tài khoản nhưng chưa tín nhiệm lẫn nhau.

**Séc định mức:** Là loại séc chuyển khoản nhưng chỉ được ngân hàng đảm bảo chi tổng số tiền nhất định trong cả quyển séc. Số séc định mức có thể dùng thanh toán trong cùng hoặc khác địa phương. Mỗi lần phát hành phải ghi số hạn mức còn lại vào mặt sau của tờ séc. Đơn vị bán khi nhận séc phải kiểm tra hạn mức còn lại của quyển séc.

**Séc chuyển tiền cầm tay:** Là loại séc chuyển khoản cầm tay, được ngân hàng đảm bảo thanh toán.

+ Thanh toán bằng ủy nhiệm chi.

*Ủy nhiệm chi* là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp.

+ Thanh toán bằng ủy nhiệm thu.

*Ủy nhiệm thu* là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

+ Thanh toán bù trừ.

Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ phải chi trả số tiền chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải dựa trên cơ sở thỏa thuận rồi thành lập văn bản để làm căn cứ ghi sổ và theo dõi.

+ Thanh toán bằng thư tín dụng.

Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa, nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

**1.1.2.2. Hình thức thanh toán quốc tế.**

+ Thanh toán quốc tế thông qua thư tín dụng.

Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận, trong đó một ngân hàng mở thư tín dụng (Letter of Credit – L/C) theo yêu cầu của người mở thư tín dụng sẽ trả một số tiền nhất định cho người hưởng lợi hoặc chấp nhận hối phiếu do người này ký phát trong phạm vi số tiền trong thư tín dụng khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng.

Thể chế hiện hành: Thư tín dụng dùng để chi trả tiền hàng tháng trong điều kiện người bán đòi hỏi phải trả tiền ngay khi giao hàng phù hợp với số tiền hàng đã ký trong hợp đồng. Trường hợp này áp dụng khi hai bên có quan hệ mua bán không thường xuyên hoặc không có sự tin tưởng lẫn nhau. Thanh toán bằng hình thức thư tín dụng đảm bảo an toàn cho cả người bán và người mua thông qua sự đảm bảo của ngân hàng.

Tất cả mọi trường hợp xuất hiện tranh chấp về hàng hóa, dịch vụ đã giao và tiền hàng đã trả thì hai bên tự bàn bạc để giải quyết, ngân hàng không chịu trách

nhiệm. Thư tín dụng chỉ được áp dụng thanh toán với các tổ chức kinh tế có tài khoản tại các ngân hàng trong cùng hệ thống.

+ Thanh toán bằng điện chuyển tiền.

Về phương thức thanh toán cơ bản là giống thanh toán bằng thư tín dụng nhưng có sự thuận tiện, đơn giản hơn nhiều về thủ tục thanh toán. Thông thường hình thức này chỉ được áp dụng trong trường hợp hai bên có sự giao dịch thường xuyên, lâu dài, có sự tin tưởng lẫn nhau và bên bán chấp nhận cho bên mua thanh toán bằng điện chuyển tiền. Việc thanh toán được tiến hành sau khi nhận hàng, thời gian do hai bên thỏa thuận.

**1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ (TK 131).**

**1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc của Thông tư 133/2016/TT-BTC như sau:

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu xây dựng cơ bản với người giao thầu về khối lượng công tác xây dựng cơ bản đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

- Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng



không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được. Khoản thiệt hại về nợ phải thu khó đòi sau khi trừ dự phòng đã trích lập được ghi nhận vào Chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ báo cáo. Khoản nợ khó đòi đã xử lý khi đòi được, hạch toán vào thu nhập khác.

- Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, tài sản cố định, bất động sản đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

### ***1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua.***

#### **a. Chứng từ sử dụng.**

Khách hàng của công ty có thể là các doanh nghiệp, cơ quan, xí nghiệp, công ty hay hộ gia đình... Trong quá trình bán hàng và thanh toán công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Hợp đồng bán hàng: Là hợp đồng ký kết giữa công ty và bên mua. Trong hợp đồng quy định về quyền và trách nhiệm của mỗi bên và là căn cứ xác định, xác minh tính có thực, hợp lý của nghiệp vụ thanh toán với người mua. Hợp đồng quy định rõ số lượng, chất lượng, chủng loại, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán và các vấn đề khác liên quan.

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Hóa đơn bán hàng): Được lập thành 3 liên, liên 1 lưu tại cuống của quyển hóa đơn, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ để làm căn cứ ghi sổ.

- Phiếu thu: Là do kế toán thu tiền lập khi phát sinh nghiệp vụ nộp tiền vào quỹ tiền mặt. Phiếu thu được lập thành 3 liên. Một liên giao cho người nộp tiền, một liên lưu tại cuống, liên còn lại thủ quỹ giữ để ghi sổ quỹ, sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

- Giấy báo có của Ngân hàng: Khi có tiền trả vào tài khoản của công ty, ngân hàng sẽ phát hành giấy báo có, gửi về công ty để thông báo về khoản tiền đã nhập vào tài khoản của công ty.

- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu xuất kho; Biên bản bù trừ công nợ; Biên bản thanh lý hợp đồng; Giấy nộp tiền.

#### **b. Tài khoản sử dụng.**

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- *Phải thu của khách hàng*. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

- + Bên nợ:
    - Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính.
    - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
    - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).
  - + Bên có:
    - Số tiền khách hàng đã trả nợ.
    - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng.
    - Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu của khách hàng.
    - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế giá trị gia tăng hoặc không có thuế giá trị gia tăng).
    - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.
    - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).
  - + Số dư bên Nợ:
    - Số tiền còn phải thu của khách hàng.
- \* *Tài khoản phải thu của khách hàng có thể có số dư bên Có*: Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.
- c. Sổ sách sử dụng.
    - Sổ nhật ký chung.
    - Sổ cái TK 131, 112, 111,...

- Sổ chi tiết phải thu của từng khách hàng.
- Sổ tổng hợp TK 131.

**1.2.3. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

(1) Khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền, kế toán ghi nhận doanh thu.

(a) Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK131 – Phải thu khách hàng (Tổng giá thanh toán).

Có TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá chưa có thuế).

Có TK333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá chưa có thuế).

Có TK333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2) Kế toán hàng bán bị trả lại.

Nợ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá chưa có thuế).

Nợ TK333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Số thuế giá trị gia tăng của hàng bán bị trả lại).

Có TK131 – Phải thu khách hàng.

(3) Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán.

(a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá.

(b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số tiền phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế

toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu, giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ TK333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại).

Có TK131 – Phải thu khách hàng (Tổng số tiền giảm giá).

(4) Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK111 (TK112) – Tiền mặt (Tiền gửi Ngân hàng).

Nợ TK635 – Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán).

Có TK131 – Phải thu khách hàng.

(5) Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK111 (TK112) – Tiền mặt (Tiền gửi Ngân hàng).

Có TK131 – Phải thu của khách hàng.

Có TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Phần tiền lãi).

(6) Kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng.

(a) Trường hợp hợp đồng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK131 – Phải thu của khách hàng.

Nợ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK3331(1) – Thuế giá trị gia tăng phải nộp.

(b) Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đặt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK131 – Phải thu của khách hàng.

Nợ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK3331(1) – Thuế giá trị gia tăng phải nộp.

(c) Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK131 – Phải thu của khách hàng.

Nợ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK3331(1) – Thuế giá trị gia tăng phải nộp.

(d) Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ TK111, TK112,...

Có TK131 – Phải thu của khách hàng.

(7) Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hóa nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK152 – Nguyên liệu, vật liệu.

Nợ TK153 – Công cụ dụng cụ.

Nợ TK156 – Hàng hóa.

Nợ TK611 – Mua hàng (Hàng tồn kho kế toán theo phương pháp kê khai định kỳ).

Nợ TK133 – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (nếu có).

Có TK131 – Phải thu của khách hàng.

(8) Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK229(3) – Dự phòng tổn thất tài sản (Số đã lập dự phòng).

Nợ TK642 – Chi phí quản lý kinh doanh (Số chưa lập dự phòng).

Có TK131 – Phải thu của khách hàng.

(9) Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu.

Nợ TK131 – Phải thu của khách hàng.

Có TK511(3) – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK3331(1) – Thuế giá trị gia tăng phải nộp.

### **1.3. Nội dung thanh toán với người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ (TK331).**

#### ***1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.***

+ Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

+ Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

+ Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

+ Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

+ Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

+ Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

+ Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả theo từng loại nguyên tệ, từng đối tượng thanh toán và thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả (bên Có các Tài khoản phải trả), kế toán phải quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

- Riêng trường hợp ứng trước tiền cho người bán bằng ngoại tệ thì khi ghi nhận giá trị tài sản mua về hoặc chi phí phát sinh, bên Có Tài khoản 331 tương ứng với số tiền ứng trước được ghi nhận theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh tại thời điểm ứng trước.
- Khi thanh toán nợ phải trả (bên Nợ các Tài khoản phải trả), doanh nghiệp được lựa chọn tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền cho từng đối tượng phải trả hoặc tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả nợ.
- Riêng trường hợp ứng trước tiền cho người bán thì bên Nợ Tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước.
- Trường hợp doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán bên Nợ các tài khoản phải trả, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay tại thời điểm phát sinh giao dịch hoặc ghi nhận định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Tại thời điểm lập **Báo cáo tài chính**, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

### ***1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người bán.***

#### **a. Chứng từ.**

- Phiếu nhập kho.
- Hóa đơn mua hàng.
- Biên bản đối chiếu công nợ.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Biên bản kiểm nghiệm.
- Các chứng từ khác liên quan.

#### **b. Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản sử dụng: *TK 331- Phải trả cho người bán*. Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả.

Kết cấu của tài khoản 331 như sau:

+ **Bên Nợ:**

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán.
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính lớn hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

+ **Bên Có:**

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

+ **Số dư bên Có:** Số tiền còn phải trả cho người bán hàng, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.

\* *Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ:* Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

c. Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán.
- Sổ tổng hợp TK 331.
- Sổ cái các tài khoản 331, 111, 112...



**1.3.3. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

**(1) Phải trả cho người bán khi mua chịu.**

Khi mua chịu vật tư, hàng hóa, về nhập kho hoặc mua chịu tài sản cố định, bất động sản đầu tư, căn cứ vào trị giá hàng mua, kế toán phản ánh tổng giá trị phải thanh toán như sau:

+ Hạch toán phải trả cho người bán trong trường hợp mua trong nội địa.

- Nếu thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK152, 153, 156, 157 - (Giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng),  
(hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên).

Nợ TK 611 – Mua hàng (Giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng), (Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Nợ TK 211- Tài sản cố định (2111, 2113), (Giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng).

Nợ TK 133 – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (1331, 1332).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Nếu thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK152, 153, 156, 157 (Giá mua bao gồm cả thuế giá trị gia tăng),  
(Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên).

Nợ TK 611 – Mua hàng (Giá mua bao gồm cả thuế giá trị gia tăng),  
(Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Nợ TK 211- Tài sản cố định (Giá mua bao gồm cả thuế giá trị gia tăng).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

+ Hạch toán phải trả cho người bán trong trường hợp nhập khẩu.

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (nếu không được khấu trừ), ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157 (Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên).

Nợ TK 611 – Mua hàng (Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Nợ TK 211- Tài sản cố định (2111, 2113).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán.

Có TK 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp (33312).

Có TK 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt (Nếu có).

Có TK 3333 – Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có).

Có TK 33381 – Thuế bảo vệ môi trường (Nếu có).

- Nếu thuế giá trị gia tăng phải nộp ở khâu nhập khẩu được khấu trừ, giá trị hàng nhập khẩu bao gồm: Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường (nếu có), ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157 (Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên).

Nợ TK 611 – Mua hàng (Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Nợ TK 211- Tài sản cố định (2111, 2113).

Nợ TK 133 – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (1331, 1332) (Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của hàng nhập khẩu).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán.

Có TK 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp (33312).

Có TK 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt (Nếu có).

Có TK 3333 – Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có).

(2) *Phải trả cho người bán trong trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư xây dựng dở dang theo phương thức giao thầu.*

Khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành.

+ Nếu thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 – Xây dựng cơ bản dở dang (Giá chưa có thuế giá trị gia tăng).

Nợ TK 133 – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

+ Nếu thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 – Xây dựng cơ bản dở dang (Giá đã có thuế giá trị gia tăng).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

(3) *Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:*

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán.

Có các TK 111, 112, 341,...

(4) *Phải trả cho người bán trong trường hợp nhận lại tiền do người bán hoàn lại.*

Nếu doanh nghiệp ứng trước tiền cho người bán mà người bán không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp, người bán trả lại tiền thì khi nhận lại tiền của người bán, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 331 – Phải trả cho người bán.

(5) *Phải trả cho người bán khi nhận dịch vụ cung cấp.*

Khi nhận các dịch vụ như: Chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán nợ chưa thanh toán ngay, hạch toán như sau:

+ Nếu thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 – Hàng hóa (Giá chưa có thuế giá trị gia tăng).

Nợ TK 241 – Xây dựng cơ bản dở dang (Giá chưa có thuế giá trị gia tăng).

Nợ TK 242 – Chi phí trả trước (Giá chưa có thuế giá trị gia tăng).

Nợ các TK 154, 642, 635, 811 (Giá chưa có thuế giá trị gia tăng).

Nợ TK 133(1) – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

+ Nếu thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 – Hàng hóa (Giá đã có thuế giá trị gia tăng).

Nợ TK 241 – Xây dựng cơ bản dở dang (Giá đã có thuế giá trị gia tăng).

Nợ TK 242 – Chi phí trả trước (Giá đã có thuế giá trị gia tăng).

Nợ các TK 154, 642, 635, 811 (Giá đã có thuế giá trị gia tăng).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

(6) *Phải trả cho người bán khi được hưởng chiết khấu thanh toán.*

Khi mua chịu vật tư, hàng hoá doanh nghiệp thanh toán trước thời hạn phải thanh toán, doanh nghiệp được hưởng chiết khấu thanh toán và được tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán.

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

(7) *Phải trả cho người bán trong trường hợp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, trả lại hàng mua.*

Khi doanh nghiệp mua hàng được hưởng chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng mua hoặc phát sinh giá trị hàng mua trả lại người bán và được người bán chấp nhận trừ vào số nợ phải trả, căn cứ vào chứng từ liên quan, hạch toán:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, trị giá hàng trả lại).

Có TK 133(1) – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tương ứng với số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, trị giá hàng trả lại).

Có các TK 151, 152, 153, 156, 157 (Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên).

Có TK 611 – Mua hàng (Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Có TK 211- Tài sản cố định (2111, 2113).

\* Lưu ý: Nếu thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ thì trị giá hàng mua vào bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

(8) *Phải trả cho người bán khi không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi.*

Đối với trường hợp này nếu được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán.

Có TK 711 – Thu nhập khác.

(9) *Phải trả cho người bán đối với nhà thầu chính.*

Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, hạch toán:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán (Giá chưa có thuế giá trị gia tăng).

Nợ TK 133(1) – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Nếu được khấu trừ).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế giá trị gia tăng đầu vào).

(10) *Phải trả cho người bán trong trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.*

– Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh **Báo cáo tài chính**.

– Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (Tổng giá thanh toán).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (Giá giao bán đại lý + thuế).

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bán trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

– Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp (Nếu có).

– Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (Giá bán trừ hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112,...

*(II) Phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu.*

– Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác).

Có các TK 111, 112,...

– Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường, ghi:

Nợ TK151 – Hàng mua đang đi đường (Trị giá hàng nhập khẩu theo tỷ giá thực tế, nếu bàn giao tại cảng).

Nợ các TK 152,156, 211, ...(Trị giá hàng nhập khẩu theo tỷ giá thực tế-nếu bàn giao tại kho của doanh nghiệp).

Có TK 331 – Phải trả cho người bán (chi tiết đơn vị nhận uỷ thác).

– Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

– Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 156, 211,...

Nợ TK 133 – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Nếu có).

Có TK 331- Phải trả cho người bán(chi tiết từng đơn vị nhận uỷ thác).

## 1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

### 1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.

- **Tỷ giá:** Tỷ giá (còn được gọi là tỷ giá trao đổi ngoại tệ) giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

#### - **Quy định về sử dụng tỷ giá :**

Tỷ giá ghi sổ gồm: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

#### ➤ **Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:**

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện).

- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).

Chuyển đổi **Báo cáo tài chính** được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào: Tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi sổ kế toán.

### 1.4.2. Các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

#### a) Tài khoản sử dụng.

131 - Phải thu khách hàng

331 - Phải trả người bán

635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)

515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

\* Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập **Báo cáo tài chính**.

b) Các nghiệp vụ thanh toán với người mua có liên quan đến ngoại tệ.

(1) Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ chưa thu được tiền của khách hàng, căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, ghi:

Nợ TK131 – (Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh).

Có TK511, 711 - (Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh).

(2) Khi nhận tiền trước của người mua bằng ngoại tệ để cung cấp dịch vụ, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định.

(a) Kế toán phản ánh số tiền nhận trước của người mua theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận ứng trước, ghi:

Nợ các TK111(2), 112(2)

Có TK131 – Phải thu của khách hàng.

(b) Khi chuyển giao vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ cho người mua thì phần nợ phải thu, doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền ứng trước được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận ứng trước và phần nợ phải thu, doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền còn lại được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh doanh thu, thu nhập, ghi:

Nợ TK131 – Phải thu của khách hàng.

Có TK511, 711

(3) Khi thu nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ.

(a) Trường hợp bên Có tài khoản phải thu của khách hàng áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ các TK111(2), 112(2) – (Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ).

Nợ TK635 – Chi phí tài chính (Nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

Có TK131 – Phải thu của khách hàng (Tỷ giá ghi sổ kế toán).

Có TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Nếu lãi tỷ giá hối đoái).

(b) Trường hợp bên Có tài khoản phải thu khách hàng áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán:

+ Khi thu các khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ các TK111(2), 112(2) – (Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ).

Có TK131 – Phải thu khách hàng (Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ).

+ Ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời tại thời điểm thu nợ hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK635 – Chi phí tài chính (Chênh lệch giữa tỷ giá ghi sổ của khoản nợ phải thu lớn hơn tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ).

Có TK131 – Phải thu của khách hàng.

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK131 – Phải thu của khách hàng.

Có TK515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Chênh lệch giữa tỷ giá ghi sổ của khoản nợ phải thu nhỏ hơn tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ).

(4) Khi lập báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá chuyển khoản trung bình tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK131 – Phải thu của khách hàng.

Có TK413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

+ Nếu ngoại tệ giảm so với tỷ giá hối đoái ghi:

Nợ TK413(1) – Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Có TK131 – Phải thu của khách hàng.



c) Các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ.

+ Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 211 - Tỷ giá thực tế.

Nợ TK 133 - Tỷ giá thực tế.

Có TK 331 - Tỷ giá ghi sổ kế toán - Tỷ giá thực tế.

+ Khi thanh toán:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá:

Nợ TK 331 - Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nợ TK 635 - Nếu lỗ về tỷ giá hối đoái.

Có TK 111, 112... - Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế.

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá:

Nợ TK 331 - Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Có TK 111, 112... - Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế.

Có TK 515 - Nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

Khi kế toán sử dụng tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế (là tỷ giá mua của ngân hàng) để đánh giá lại các khoản ngoại tệ là tiền mặt tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, ghi:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, kế toán ghi nhận lãi tỷ giá:

Nợ TK 111 (1112)

Có TK 413(1) - Chênh lệch tỷ giá hối đoái .

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, kế toán ghi nhận lỗ tỷ giá:

Nợ TK 413(1) - Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Có TK 111 (1112).

+ Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán.

Có TK 413(1) - Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413(1) - Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

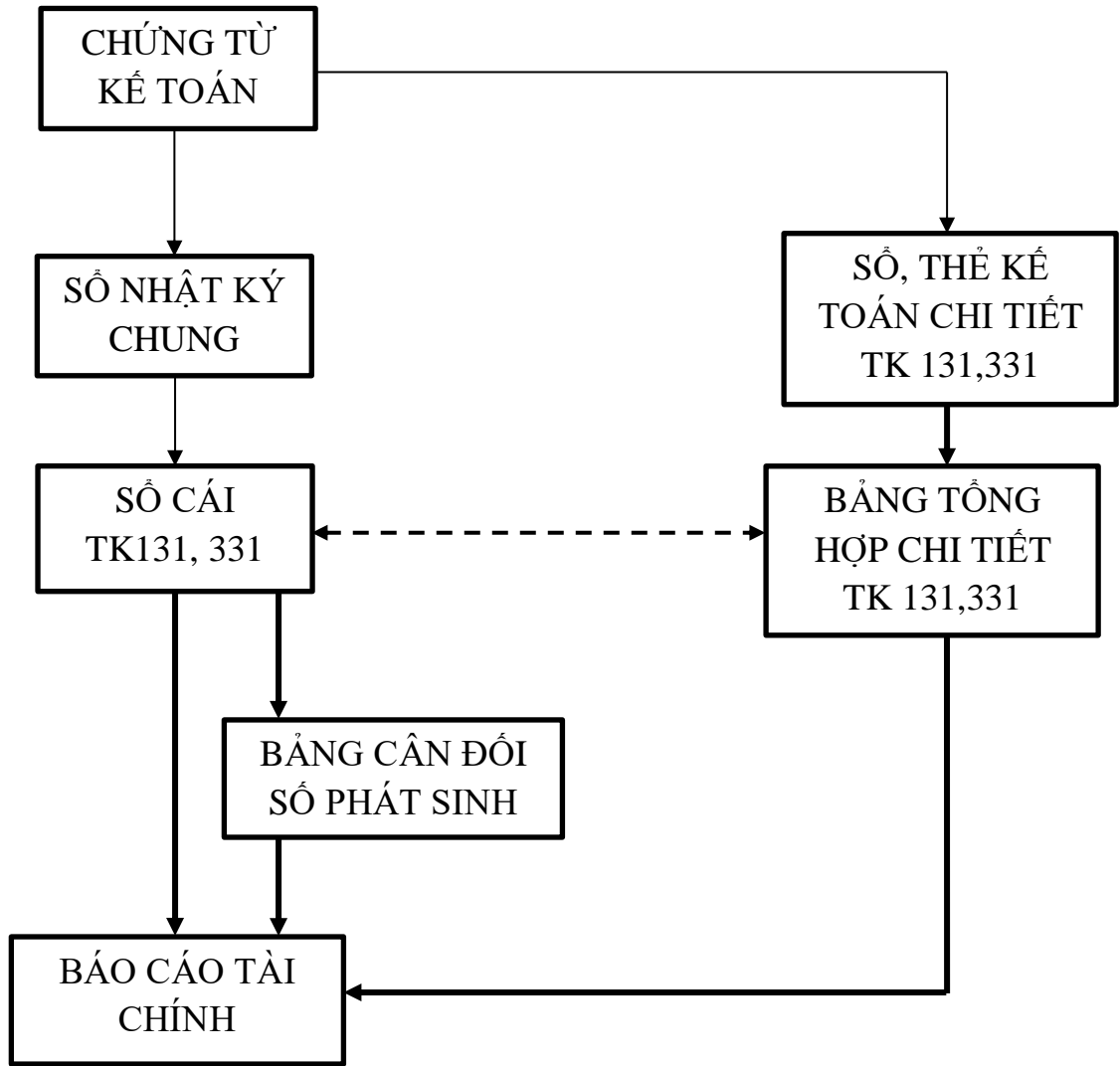
**1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Theo quy định hiện hành các doanh nghiệp có thể tự xây dựng hệ thống sổ sách cho riêng mình. Tuy nhiên, trong trường hợp không tự xây dựng được các doanh nghiệp có thể áp dụng hệ thống sổ sách kế toán theo TT 133/2016/TT-BTC. Các hình thức ghi sổ kế toán theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ gồm 4 hình thức sau:

**1.5.1. Hình thức nhật ký chung.**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



**Ghi chú:**

Ghi hằng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ :  $\longrightarrow$

Kiểm tra đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

*Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.*

### **1.5.2 Hình thức Chứng từ ghi sổ.**

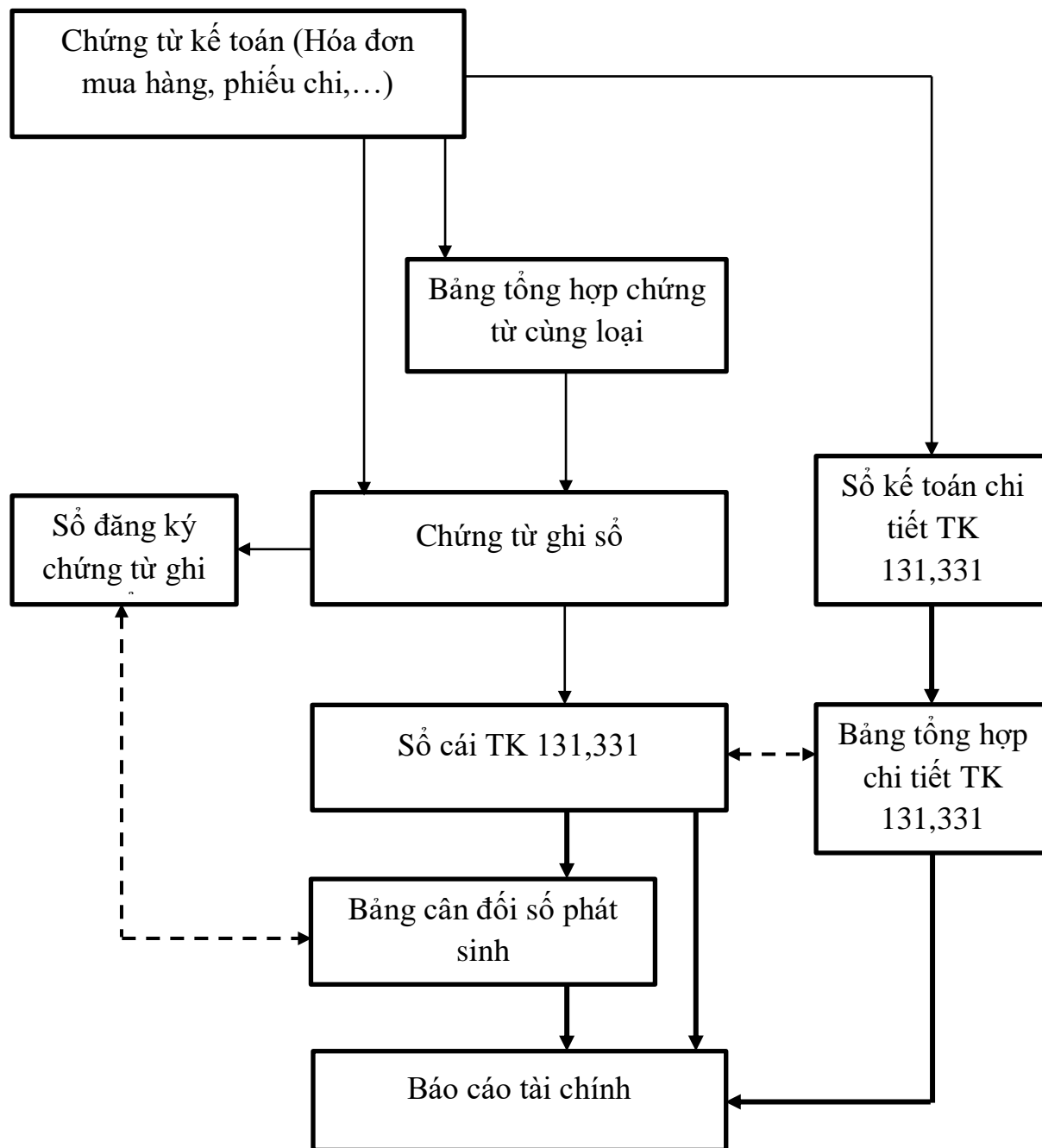
Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Kiểm tra, đối chiếu:  $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

Ghi cuối kỳ:  $\longrightarrow$

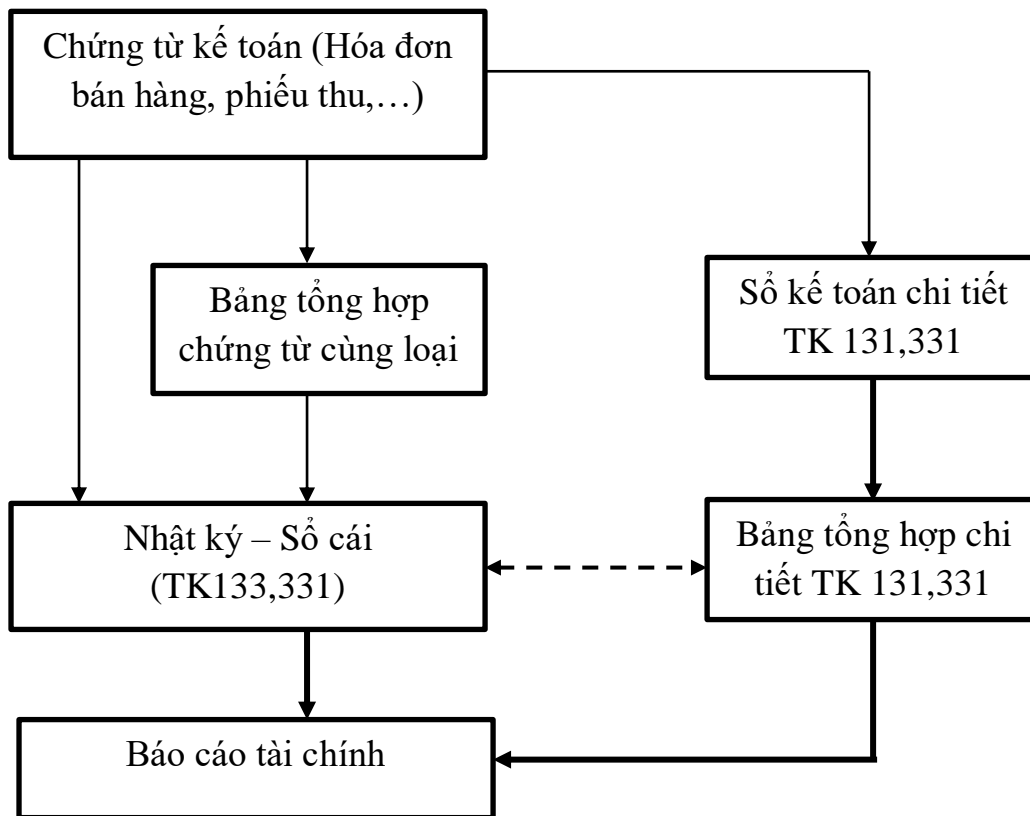
**Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.**

**1.5.3 Hình thức Nhật ký - Sổ cái.**

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày: —————>
- Kiểm tra, đối chiếu: <----->
- Ghi cuối kỳ: —————>

**Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.**

#### ***1.5.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính.***

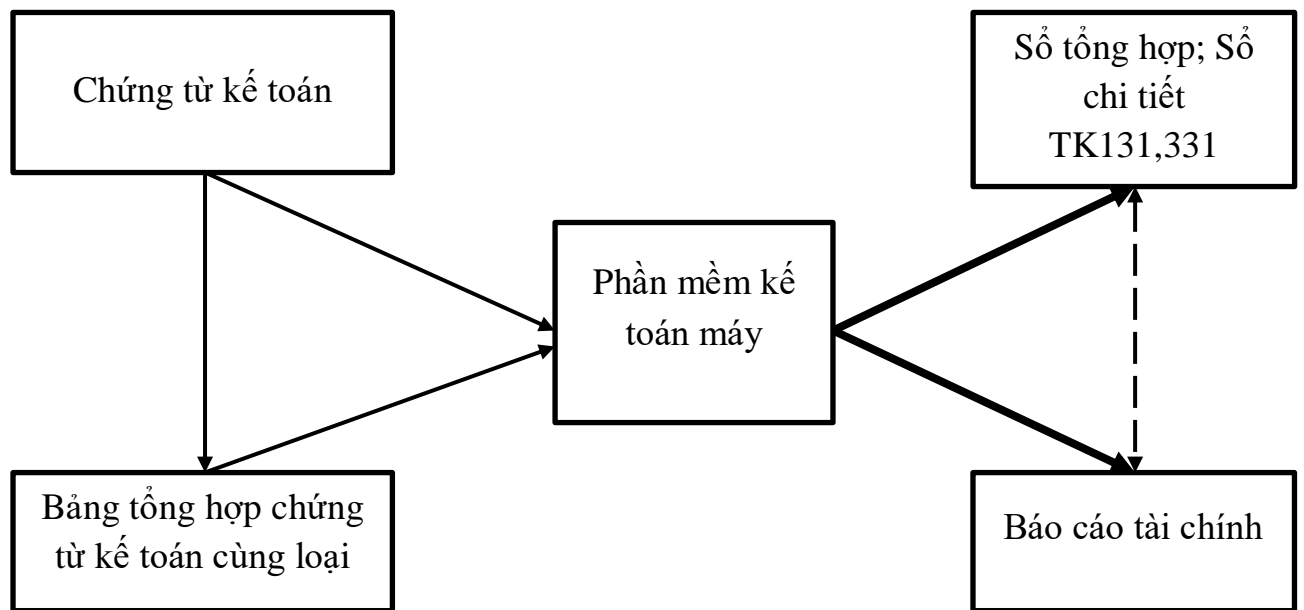
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

*Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:*

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: —————>

Kiểm tra đối chiếu: <----->

**Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.**



## **CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN CỦA CÔNG TY TNHH CTA VIỆT NAM.**

### **2.1. Tổng quát về Công ty TNHH CTA Việt Nam.**

#### ***2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH CTA Việt Nam.***

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH CTA Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng.
- Người đại diện: Đào Trọng Tư.
- Số điện thoại: 0225.358.6878
- Mã số thuế: 0201636505.

Công ty TNHH CTA Việt Nam được cấp giấy phép kinh doanh từ ngày 03/08/2016 tại Chi cục thuế Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng. Tháng 2/2018 công ty đã chuyển địa chỉ đến số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng (địa chỉ cũ là số 202 Đông Khê, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng). Đến nay Công ty đã hoạt động được 3 năm, trải qua thời gian đầu thành lập đầy khó khăn, Công ty đang phát triển đa ngành, đa dịch vụ về các hoạt động kinh doanh nhưng chủ yếu vẫn là bán vật liệu, thiết bị xây dựng. Với mục tiêu tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và gia tăng lợi nhuận cho các khách hàng cũng như doanh nghiệp, bên cạnh đó công ty cũng cố gắng phấn đấu đạt tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp chuyên nghiệp, uy tín, chuyên cung cấp vật liệu, thiết bị và dịch vụ vận tải cạnh tranh, đảm bảo lợi ích của khách hàng. Công ty đang từng bước khẳng định chỗ đứng của mình tại địa phương mình kinh doanh, đồng thời cũng là bước đệm để Công ty mở rộng khu vực kinh doanh, tiến đến tầm cao mới.

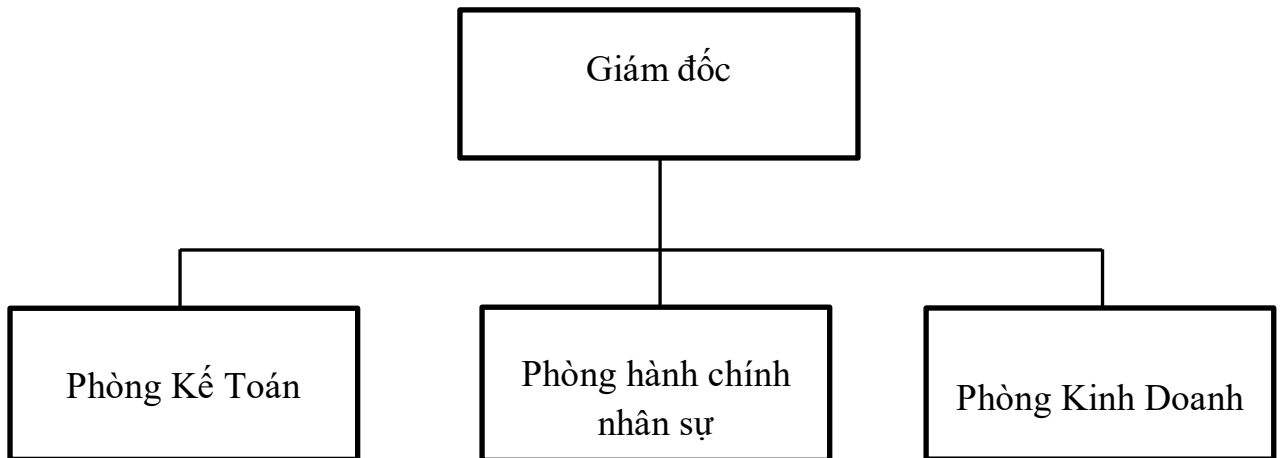
#### ***2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh.***

Hiện nay các ngành nghề của công ty là:

- *Bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.*
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình công ích.
- Lắp đặt hệ thống điện.

- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Dịch vụ vận tải đường sắt và đường bộ.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Một số ngành nghề khác...

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.



#### **Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.**

✓ Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng:

- Giám đốc: Là người quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

- Phòng kế toán: Thực hiện công tác hạch toán, kế toán đảm bảo đúng các quy định của Luật kế toán. Tham mưu cho Giám đốc công ty về quản lý tài sản, sử dụng các nguồn vốn: vốn chủ sở hữu, nguồn vốn vay ngân hàng, vốn huy động, vốn liên doanh để sao cho sử dụng nguồn vốn kinh doanh có hiệu quả. Xây dựng quy định về tạm ứng, thanh toán tiền và hoàn thiện chứng từ kế toán: ứng tiền, thanh toán và quyết toán công trình và các hợp đồng kinh tế, bảo lãnh hợp đồng kinh tế, tạm ứng và thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra còn quản lý lưu trữ hồ sơ tài chính, theo dõi, tổng

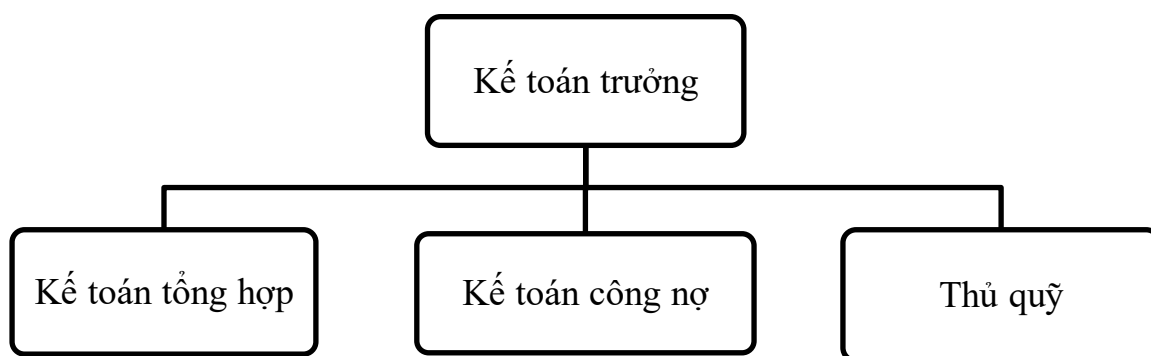
hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở đó phát hiện những vấn đề bất cập, đề xuất với Giám đốc để tìm biện pháp giải quyết.

- Phòng kinh doanh: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trước, trong và sau khi sản xuất, thiết lập mối quan hệ với các cấp, lập toàn bộ hồ sơ dự toán công trình, định giá và lập phiếu giá thanh toán, làm tham mưu bảo đảm tính pháp lý của mọi hoạt động kinh tế.

- Phòng hành chính nhân sự: Giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính của công ty theo chế độ hiện hành. Đại diện ủy quyền của công ty phát triển và duy trì mối quan hệ với cơ quan chính quyền. Quản lý lưu trữ hệ thống hồ sơ giấy tờ liên quan đến công tác hành chính. Lập kế hoạch cấp phát, sử dụng văn phòng phẩm, thiết bị, ... Tổ chức tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực của lao động. Theo dõi giám sát các chế độ làm việc, tạo điều kiện làm việc, tổ chức thi đua khen thưởng, kỷ luật,...

Mỗi phòng ban trong công ty đều có chức năng nhiệm vụ riêng biệt nhưng giữa các phòng ban đều có mối quan hệ chặt chẽ dưới sự điều hành của Giám đốc Công ty nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

#### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.



#### Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

##### Chức năng nhiệm vụ của từng thành viên trong phòng kế toán.

##### ❖ Kế toán trưởng.

##### ➤ Chức năng:

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.
- **Nhiệm vụ:**
  - Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán.
  - Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty.
  - Lập Báo cáo tài chính.
- **Quyền hạn:**
  - Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.
  - Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc công ty về việc tuyển dụng, tuyển chuyên, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ quỹ.
  - Yêu cầu các bộ phận liên quan trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán.
- ❖ **Kế toán tổng hợp:**
  - **Nhiệm vụ:**
    - Thực hiện các bút toán đầu năm tài chính như: kết chuyển lãi lỗ năm tài chính cũ.
    - Nộp lệ phí môn bài.
    - Hạch toán chi phí thuế môn bài năm tài chính mới.
    - Tiến hành thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công việc của kế toán tổng hợp.
    - Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh là các hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến quá trình kinh doanh của Doanh nghiệp: Mua bán hàng hóa, CCDC, TSCĐ... thực hiện thu tiền/ chi tiền... Tính lương nhân viên, quản lý hàng tồn kho.
- ❖ **Kế toán công nợ:**
  - Tham gia vào việc soạn thảo, quản lý các hợp đồng kinh tế đặc biệt là các điều khoản trong hợp đồng có liên quan đến điều khoản thanh toán. Theo dõi tiến độ, tiến trình thanh toán trong từng hợp đồng, từng đơn hàng cụ thể
  - Hàng ngày căn cứ vào Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho,... Kế toán công nợ tiến hành nhập dữ liệu. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để cập nhật thường xuyên liên tục trạng thái công nợ phải thu cũng như phải trả,

cần tách các khoản nợ của khách hàng theo hợp đồng hoặc theo Hoá đơn bán hàng

- Căn cứ vào hợp đồng, kế toán công nợ phải theo dõi tình hình phải thu và phải trả. Thực hiện việc điều chỉnh giá, tỷ giá nếu có sự thay đổi về nó trong quá trình thực hiện hợp đồng.

❖ Thu quỹ:

- Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phân thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi.
- Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết.

### ***2.1.5. Chế độ, chính sách, phương pháp kế toán và hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty.***

#### ***a. Chế độ, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng.***

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.
- Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Hệ thống tài khoản sử dụng: Áp dụng theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” để ghi sổ kế toán. Việc áp dụng phương pháp này mang lại cho công ty những thuận lợi trong công tác kế toán.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp nhập trước, xuất trước.

#### ***b. Hình thức sổ kế toán.***

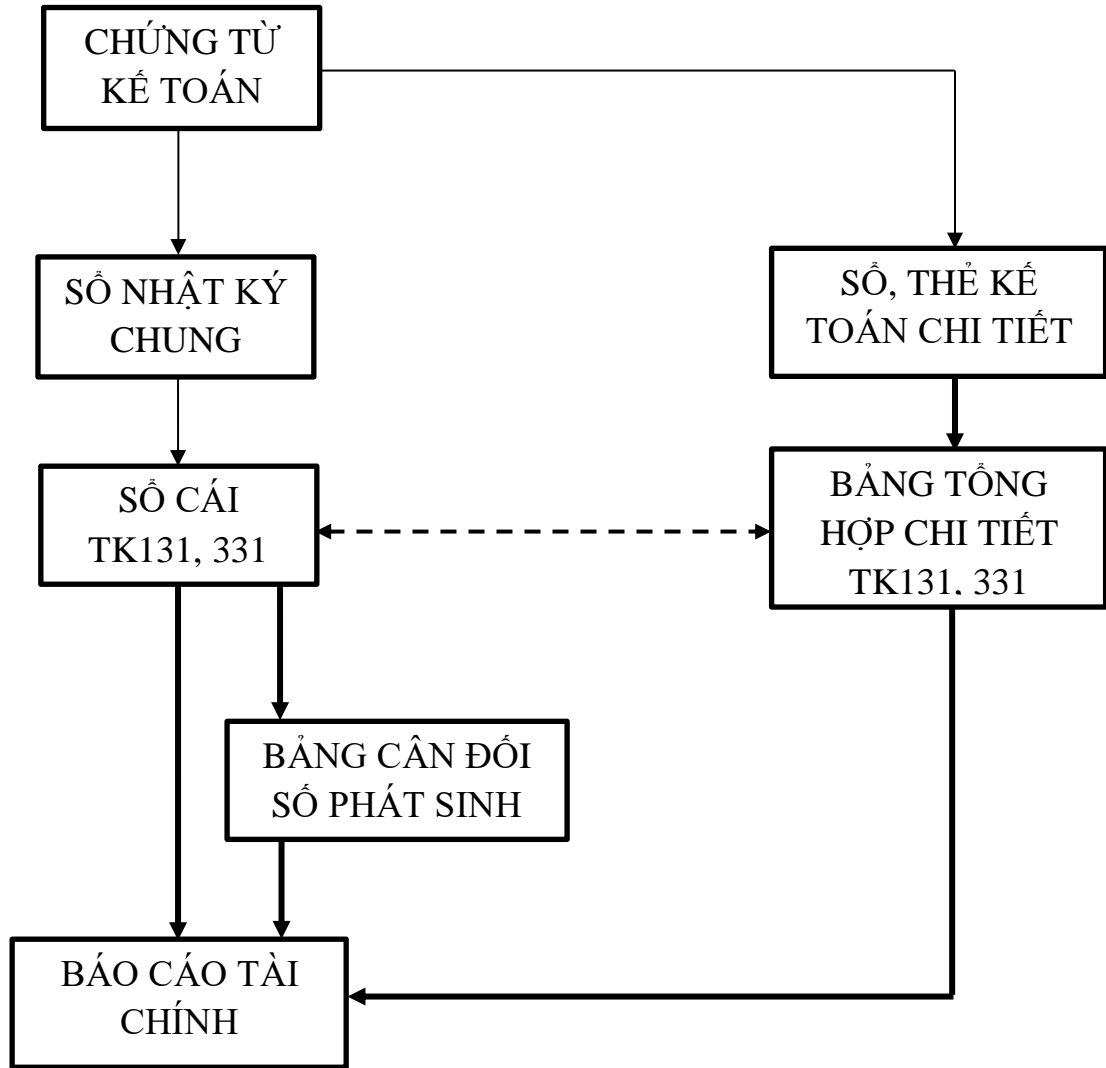
Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ nhật ký chung theo tháng, quý trong năm.
- Sổ cái các tài khoản 111,112,...
- Các sổ, bảng chi tiết như: Bảng tính lương, bảng kê khai tài sản cố định...

Hệ thống báo cáo kế toán sử dụng:

- Báo cáo tổng hợp: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Báo cáo chi tiết: Báo cáo công nợ.

- Báo cáo thuế.



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ :  $\longrightarrow$

Kiểm tra đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.**

**2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.**

**2.2.1. Đặc điểm, phương thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.**

➤ Phương thức thanh toán:

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp

đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú. Tại Công ty TNHH CTA Việt Nam có 2 phương thức thanh toán đó là thanh toán trực tiếp và thanh toán chậm trả.

+ Đối với người mua: Tại công ty phương thức thanh toán trực tiếp được áp dụng với những khách hàng là cá nhân mua hàng với số lượng ít và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty. Với phương thức chậm trả công ty áp dụng cho những người mua là khách hàng thường xuyên, mua hàng với số lượng lớn và theo phương thức hàng gói hàng.

+ Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ, số lượng ít. Còn đối với nhà cung cấp lâu năm, nhà cung cấp theo phương thức hàng gói hàng công ty áp dụng hình thức trả ngay hoặc trả chậm tùy vào thỏa thuận của hai bên.

➤ Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết của các yếu tố trong quá trình thanh toán.

Hình thức thanh toán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam đó là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản.

+ Đối với người mua: Hình thức thanh toán bằng tiền mặt được áp dụng với những khách hàng mua lẻ, không thường xuyên và những đơn hàng có giá trị dưới 20 triệu đồng. Với hình thức thanh toán bằng chuyển khoản phụ thuộc vào điều khoản của hợp đồng mà khách hàng có thanh toán bằng chuyển khoản hay tiền mặt

+ Đối với người bán: Công ty thanh toán bằng tiền mặt với những đơn hàng có giá trị dưới 20 triệu hoặc những đơn hàng mua lẻ. Thanh toán bằng chuyển khoản với những nhà cung cấp ở xa hoặc những đơn hàng có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên.

### ***2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.***

#### ***2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.***

- Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng.
- + Hợp đồng mua bán hàng hóa.
- + Phiếu thu.
- + Giấy báo có.
- + Các chứng từ khác có liên quan ....

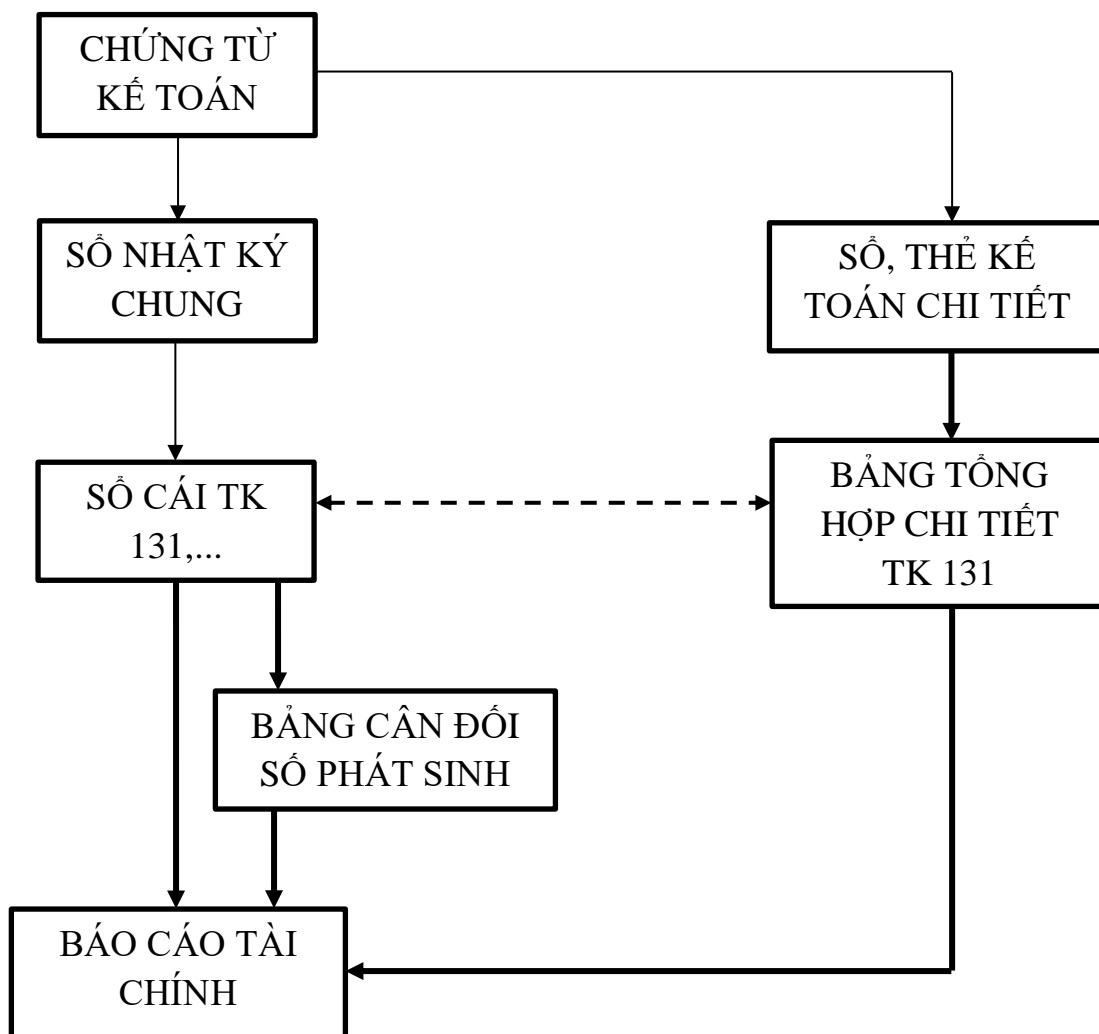
- *Tài khoản sử dụng: TK 131: Phải thu của khách hàng.*

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng.

- *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung.
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua.
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua.
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan.





**Ghi chú:**

Ghi hằng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ :  $\longrightarrow$

Kiểm tra đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc, ghi chép vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 131, TK 511, TK 333,... Đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản phải thu cho từng khách hàng.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

#### **2.2.2.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.**

**Nghiệp vụ 1:** Ngày 04/11/2018 xuất kho 80 cái van xả 2 chiều (kiểu bướm) bán cho Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng, giá bán chưa thuế GTGT 10% là 216.111đ/cái. Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng đã nhận được hàng và chưa thanh toán.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào Sổ chi tiết TK 131 – Phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 131, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 333. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – Phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng để lập Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

Kế toán định khoản:

**Nợ TK 131** : 19.017.768

Có TK 3331: 1.728.888

Có TK 511: 17.288.880

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000754**

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3 : Nội bộ

Ngày 04 tháng 12 năm 2018

Mẫu số : 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/18P

Số :0000754

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH CTA Việt Nam

Mã số thuế : 0201636505.

Địa chỉ : Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

Số điện thoại: 0225.358.6878

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Bùi Duy An.

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng

Địa chỉ : Số 33 An Trì 2, đường 5 mới, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, HP.

Mã số thuế: 0200655652.

Hình thức thanh toán: CK/TM.

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Van xả 2 chiều (kiểu bướm)	Cái	80	216.111	17.288.880
Cộng thành tiền:					17.288.880
Thuế suất thuế GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.728.888
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.017.768
Bằng chữ : Mười chín triệu, không trăm mười bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(đóng dấu, ký ghi họ tên)

**Nghiệp vụ 2:** Ngày 10/12/2018 Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng thanh toán tiền hàng ngày 14/11/2018(HĐ0000754) bằng chuyển khoản, số tiền là 19.017.768đ.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – Phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng, Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 131, Sổ cái TK 112. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – Phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1121 : 19.017.768

**Có TK 131** : 19.017.768

**Biểu số 2.2: Giấy báo có số 0023510**

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Số 40 Điện Biên Phủ - Phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

GIẤY BÁO CÓ

KH: VC/18T

Ngày 10/12/2018

Số HĐ: ZZ12.0023510

Người trả tiền: Bùi Duy An - Công ty TNHH Thiết bị áp lực  
Hải Phòng.

Người hưởng: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 33 An Trì 2, đường 5 mới, P. Hùng Vương, Q.  
Hồng Bàng, HP.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê  
Chân, HP.

Số điện thoại: 094.305.3966

Số điện thoại: 0225.358.6878

Số tài khoản: 105006547433

Số tài khoản: 1020100990549

Tại NH: ViettinBank Hải Phòng.

Tại NH: BIDV Hải Phòng.

Số tiền bằng số: 19.017.768 đồng.

Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu, không trăm mười bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng.

Nội dung: Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng thanh toán tiền hàng.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

GIÁM ĐỐC

**Nghiệp vụ 3:** Ngày 15/12/2018 Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương ứng trước tiền hàng theo hợp đồng ngày 05/12/2018 cho công ty số tiền 15.000.000đ bằng tiền mặt.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào Sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương, Sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 131, sổ cái TK 111.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương để lập Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 111 : 15.000.000

**Có TK 131** : 15.000.000

**Biểu số 2.3: Phiếu thu số 42/12**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.  
Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê  
Chân, TP.Hải Phòng.

Mẫu số: 01-TT  
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT/BTC  
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU THU**

Ngày 15 tháng 12 năm 2018

Quyển số: 12

Số : PT42/12

Nợ TK1111 : 15.000.000

Có TK 131 : 15.000.000

Họ tên người nộp tiền: Đoàn Mạnh Cường

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương.

Địa chỉ: Lô đất CN2.10 dự án Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng.

Lý do nộp: Ứng trước tiền hàng.

Số tiền: 15.000.000VND                      Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười lăm triệu đồng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký)	(Ký)	(Ký)	(Ký)

**Nghiệp vụ 4:** Ngày 17/12/2018 xuất bán 12 cái khớp nối INOX 250A cho Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương với đơn giá 3.465.000đ/cái (giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 131 : 45.738.000

Có TK 3331: 4.158.000

Có TK 511: 41.580.000



**Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 000807**

HOÁ ĐƠN

Mẫu số : 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/18P

Liên 3 : Nội bộ

Số :0000807

Ngày 17 tháng 12 năm 2018

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH CTA Việt Nam

Mã số thuế : 0201636505.

Địa chỉ : Số 52/482 Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

Số điện thoại: 0225.358.6878

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Vũ Văn Toàn.

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương.

Địa chỉ : Lô đất CN2.10 dự án Khu công nghiệp MP Đình Vũ, P. Đông Hải 2,  
Q. Hải An, Hải Phòng

Mã số thuế: 0201658984.

Hình thức thanh toán: CK/TM. Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Khớp nối INOX 250A	Cái	12	3.465.000	41.580.000
Cộng thành tiền:					41.580.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	4.158.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					45.738.000
Bằng chữ : Bốn mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(đóng dấu, ký ghi họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu số 2.5: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường

Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP

**Mẫu số: S03a – DNN**

(Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT/BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

## **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
...	...	...	...	...	...	...
04/12	HĐGTGT 0000754	04/12	Xuất kho 80 cái van xả 2 chiều (kiểu bướm) bán cho Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng.	131 3331 511	19.017.768	1.728.888 17.288.880
...	...	...	...	...	...	...
10/12	GBC 0023510	10/12	Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng thanh toán tiền hàng ngày 14/11/2018 (HĐ0000754)	1121 131	19.017.768	19.017.768
...	...	...	...	...	...	...
15/12	PT42/12	15/12	Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương ứng trước tiền hàng.	1111 131	15.000.000	15.000.000
...	...	...	...	...	...	...
17/12	HĐGTGT 0000807	17/12	Xuất bán 12 cái khớp nối INOX 250A cho Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương	131 3331 511	45.738.000	4.158.000 41.580.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>102.105.407.540</b>	<b>102.105.407.540</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## **Biểu số 2.6: Sổ cái tài khoản 131-Phải thu khách hàng.**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.  
Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường  
Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### **SỔ CÁI**

Tháng 12/2018

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ (1)	Có (2)
A	B	C	D	H	(1)	(2)
			<b><u>SDDK</u></b>		<b><u>1.261.630.199</u></b>	
...	...	...	...	...	...	...
04/12	HĐGTGT 0000754	04/12	Xuất kho 80 cái van xả 2 chiều (kiểu bướm) bán cho Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng.	3331 511	1.728.888 17.288.880	
...	...	...	...	...	...	...
10/12	GBC 0023510	10/12	Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng thanh toán tiền hàng ngày 14/11/2018 (HĐ0000754)	1121		19.017.768
...	...	...	...	...	...	...
15/12	PT042/12	15/12	Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương ứng trước tiền hàng.	1111		15.000.000
...	...	...	...	...	...	...
17/12	HĐGTGT 0000807	17/12	Xuất bán 12 cái khớp nối INOX 250A cho Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương	3331 511	4.158.000 41.580.000	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		12.521.909.935	11.257.226.986
			<b><u>SDCK</u></b>		<b><u>2.526.313.148</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.7: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng)**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

**Mẫu số S012-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tháng 12/2018

Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng.

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày hàng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	H	(2)	(3)	(4)	(5)
			<b><u>SDDK</u></b>				<b><u>255.470.670</u></b>	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/12	HDGTGT 0000754	04/12	Xuất kho 80 cái van xả 2 chiều (kiểu bướm) bán cho Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng.	3331 511	1.728.888 17.288.880		37.750.000 55.038.880	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/12	GBC 0023510	10/12	Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng thanh toán tiền hàng ngày 14/11/2018 (HĐ0000754)	1121		19.017.768	38.945.289	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		<b><u>1.927.773.700</u></b>	<b><u>1.718.228.700</u></b>		
			<b><u>SDCK</u></b>				<b><u>465.015.670</u></b>	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 2.8: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương).**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

Mẫu số S012-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

### SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 12/2018

Tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng

Đối tượng: Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	H	(2)	(3)	(4)	(5)
			<b><u>SDDK</u></b>				<b><u>47.370.000</u></b>	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	PT42/12	15/12	Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương ứng trước tiền hàng.	1111		15.000.000		15.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
17/12	HĐGTGT 0000807	17/12	Xuất bán 12 cái khớp nối INOX 250A cho Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương	3331 511	4.158.000 41.580.000		26.542.000 68.122.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		<b>1.589.013.200</b>	<b>1.528.870.000</b>		
			<b><u>SDCK</u></b>				<b><u>107.513.200</u></b>	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

### BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

*Tài khoản: 131*

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

**Năm 2018**

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
04	Công ty TNHH Thiết bị áp lực Hải Phòng.	255.470.670		1.927.773.700	1.718.228.700	465.015.670	
...	...	...	...	...	...	...	...
06	Công ty Cổ phần đối tác Thái Bình Dương.	47.370.000		1.589.013.200	1.528.870.000	107.513.200	
...	...	...	...	...	...	...	....
10	Công ty TNHH Thương mại&Dịch Vụ An Phú Vĩnh	-	-	115.700.600	115.700.600	-	-
..	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>1.261.630.199</b>		<b>12.521.909.935</b>	<b>11.257.226.986</b>	<b>2.526.313.148</b>	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)*

**2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.**

**2.2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.**

➤ Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:

- + Hợp đồng mua bán.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng.
- + Phiếu chi.
- + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi.
- + Giấy đề nghị thanh toán.
- + Các chứng từ liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng: *TK 331 – Phải trả người bán.*

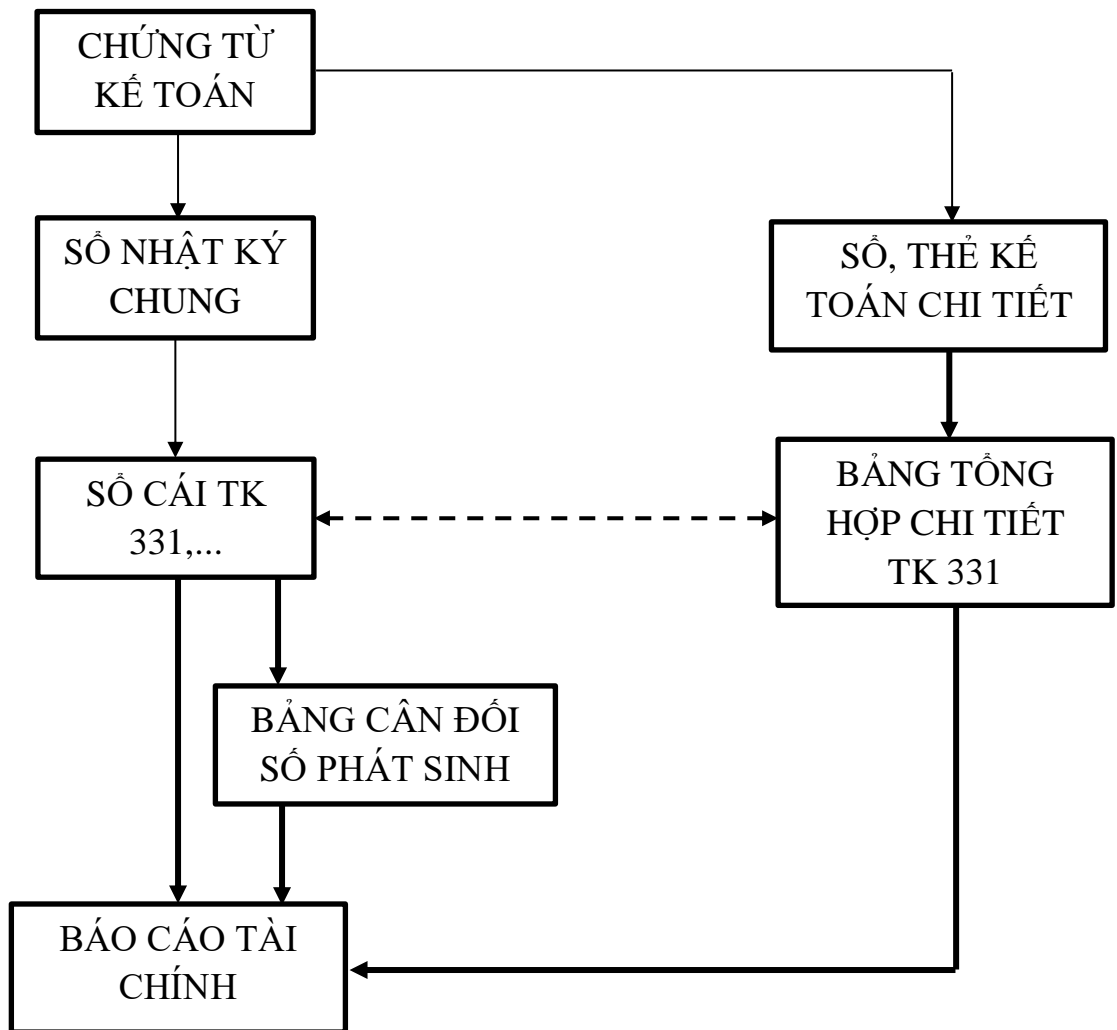
Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331 : Phải trả người bán.
- + TK 156 : Hàng hóa.
- + TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.
- + ...

➤ Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:

- + Nhật ký chung.
- + Sổ chi tiết phải trả người bán.
- + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán.
- + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.



**Ghi chú:**

Ghi hằng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ :  $\longrightarrow$

Kiểm tra đối chiếu:  $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.**

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào Sổ chi tiết TK 331 – Phải trả cho người bán. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK 331, TK 154, TK 133,... Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào Sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập Bảng tổng hợp nợ phải trả người bán.



**2.2.3.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.**

**Nghiệp vụ 1:** Ngày 02/12/2018 mua 30 cái Van chặn thép DN150 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 2.090.000đ/cái, chưa thanh toán tiền hàng.

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào Sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 331, Sổ cái TK 156, Sổ cái TK 133. Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 156 : 62.700.000

Nợ TK 133 : 6.270.000

**Có TK 331 : 68.970.000**

**Biểu số 2.10: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000680.**

<p><b>HOÁ ĐƠN</b></p> <p><b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b></p> <p>Liên 2 : Giao khách hàng</p> <p>Ngày 02 tháng 12 năm 2018</p>	<p>Mẫu số : 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu : AA/18P</p> <p>Số : 0000680</p>				
<p>Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội.</p> <p>Mã số thuế : 0105895358.</p> <p>Địa chỉ : Số 2 Nguyễn Văn Linh, Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội.</p> <p>Số điện thoại: (024) 3 871 7502 - (024) 6 259 6798      Số tài khoản:</p> <p>Họ tên người mua hàng: Quách Văn Hưng.</p> <p>Tên đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.</p> <p>Địa chỉ : Số 52/482 Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.</p> <p>Số điện thoại: 0225.358.6878</p> <p>Mã số thuế: 0201636505.</p> <p>Hình thức thanh toán: TM/CK      Số tài khoản:</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Van chặn thép DN150	Cái	30	2.090.000	62.700.000
Cộng thành tiền :					62.700.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	6.270.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					68.970.000
Bằng chữ : Sáu mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng.					
<p>Người mua hàng (ký, ghi họ tên)</p>	<p>Người bán hàng (ký, ghi họ tên)</p>	<p>Thủ trưởng đơn vị (đóng dấu, ký ghi họ tên)</p>			

**Nghiệp vụ 2:** Ngày 09/12/2018 thanh toán tiền hàng ngày 02/12/2018 (HĐGTGT0000680) cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội bằng chuyển khoản.

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào Sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 331, Sổ cái TK 112. Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Kế toán định khoản:

**Nợ TK 331:** 68.970.000

Có TK 1121: 68.970.000

**Biểu số 2.11: Giấy báo nợ số 0013403**

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Số 40 Điện Biên Phủ - Phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

**CHỨNG TỪ GIAO DỊCH**

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 17/10/2018

Số HĐ: ZZ10. 0013403

Người trả tiền: Lê Thị Hải – Công ty TNHH CTA  
Việt Nam

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận  
Lê Chân, HP.

Số tài khoản: 1020100990549

Tại NH: BIDV Hải Phòng.

Số điện thoại: 0225.358.6878

Người hưởng: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân  
Hoàng Phát Hà Nội.

Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Văn Linh, Phúc Đồng, Long Biên,  
Hà Nội.

Số tài khoản: 10201034100287

Tại NH: BIDV Bắc Hà Nội.

Số điện thoại: 024.3871.7502

Số tiền bằng số: 68.970.000 đồng.

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng.

Nội dung: Công ty TNHH CTA Việt Nam thanh toán tiền hàng.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

GIÁM ĐỐC

**Nghiệp vụ 3:** Ngày 18/12/2018, Công ty ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH An Hiệp Phát, số tiền 12.000.000đ, bằng tiền mặt.

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào Sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 lập cho Công ty TNHH An Hiệp Phát, Sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 331, Sổ cái TK 111. Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Kế toán định khoản:

**Nợ TK 331:** 12.000.000

Có TK 111: 12.000.000

Mẫu số: 02-TT

**Biểu số 2.12: Phiếu chi số 27/12**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

Quyển số: 11

Số: PC27/12

Nợ TK331: 12.000.000

Có TK 111: 12.000.000

Họ tên người nhận tiền: Lê Thị Hải.

Địa chỉ: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Lý do chi: Ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH An Hiệp Phát.

Số tiền: 12.000.000VND

Bằng chữ: Mười hai triệu đồng.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người nhận tiền

Người lập biểu

Thủ quỹ

(Ký, đóng dấu)

(Ký)

(Ký)

(Ký)

(Ký)

**Nghiệp vụ 4:** Ngày 25/12/2018 đặt mua 20 cái khớp nối INOX 250A của Công ty TNHH An Hiệp Phát, tổng giá thanh toán là 70.510.000đ, chưa thanh toán.

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào Sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 mở cho của Công ty TNHH An Hiệp Phát. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 331, Sổ cái TK156, Sổ cái TK133. Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

*Kế toán định khoản:*

Nợ TK 156 : 64.100.000

Nợ TK 133 : 6.410.000

**Có TK 331 : 70.510.000**

**Biểu số 2.13: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000831**

HOÁ ĐƠN

Mẫu số : 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu : AA/18P

Liên 2 : Giao khách hàng

Số : 0000831

Ngày 25 tháng 12 năm 2018

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH An Hiệp Phát.

Mã số thuế : 0200844723.

Địa chỉ : Số 462 Đường 5 cũ, P. Hùng vương, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng.

Số điện thoại: 0225.352.2292

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Quách Văn Hưng.

Tên đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ : Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

Số điện thoại: 0225.358.6878

Mã số thuế: 0201636505.

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Khớp nối INOX 250A	Cái	20	3.205.000	64.100.000
Cộng thành tiền :					64.100.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	6.410.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					70.510.000
Bằng chữ : Bảy mươi triệu, năm trăm mười nghìn đồng.					

Người mua hàng  
(ký, ghi họ tên)

Người bán hàng  
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(đóng dấu, ký ghi họ tên)



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lôi, Phường

Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP

**Mẫu số: S03a – DNN**

(Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT/BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
...	...	...	...	...	...	...
02/12	HĐGTGT 0000680	02/12	Mua 30 cái Van chặn thép DN150 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội.	156 133 331	62.700.000 6.270.000	68.970.000
...	...	...	...	...	...	...
09/12	GBN 0013403	09/12	Thanh toán tiền hàng ngày 07/10/2018 (HĐGTGT0000680) cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội	331 1121	68.970.000	68.970.000
...	...	...	...	...	...	...
18/12	PC27/11	18/12	Ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH An Hiệp Phát.	331 111	12.000.000	12.000.000
...	...	...	...	...	...	...
25/12	HĐGTGT 0000831	25/12	Đặt mua 20 cái khớp nối INOX 250A của Công ty TNHH An Hiệp Phát	156 133 331	64.100.000 6.410.000	70.510.000
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>102.105.407.540</b>	<b>102.105.407.540</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)*

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.15: Sổ cái TK 331 – Phải trả người bán.**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.  
Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường  
Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-  
BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Tháng 12/2018

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	(1)	(2)
			<b><u>SDDK</u></b>			<b><u>1.451.293.433</u></b>
...	...	...	...	...	...	...
02/12	HDGTGT 0000680	02/12	Mua 30 cái Van chặn thép DN150 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội.	156 133		62.700.000 6.270.000
...	...	...	...	...	...	...
09/12	GBN 0013403	09/12	Thanh toán tiền hàng ngày 07/10/2018 (HDGTGT0000680) cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội	1121	68.970.000	
...	...	...	...	...	...	...
18/12	PC27/11	18/12	Ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH An Hiệp Phát.	111	12.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
25/12	HDGTGT 0000831	25/12	Đặt mua 20 cái khớp nối INOX 250A của Công ty TNHH An Hiệp Phát	156 133		64.100.000 6.410.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		13.997.339.786	15.298.247.293
			<b><u>SDCK</u></b>			<b><u>2.752.200.940</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### ***Biểu số 2.16: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội)***

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

**Mẫu số S012-DNN**

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)*

### **SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Tháng 12/ 2018

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	H	(2)	(3)	(4)	(5)
			<b><u>SDDK</u></b>					<b><u>343.112.000</u></b>
...	...	...	...	...	...	...	...	...
02/10	HĐGTGT 0000680	02/10	Mua 30 cái Van chặn thép DN150 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội.	156 133		62.700.000 6.270.000		92.650.343 98.920.343
...	...	...	...	...	...	...	...	...
09/10	GBN 0013403	09/10	Thanh toán tiền hàng ngày 07/10/2018 (HĐGTGT0000680) cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội	1121	68.970.000			107.509.183
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.523.210.000</b>	<b>2.410.632.000</b>		
			<b><u>SDCK</u></b>					<b><u>230.534.000</u></b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)*

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 2.17: Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Công ty TNHH An Hiệp Phát)**

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

**Mẫu số S012-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Tháng 12/2018

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty TNHH An Hiệp Phát

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	H	(2)	(3)	(4)	(5)
			<b><u>SDDK</u></b>					<b><u>37.123.500</u></b>
...	...	...	...	...	...	...	...	...
18/12	PC27/11	18/12	Ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH An Hiệp Phát.	111	12.000.000		12.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/12	HĐGTGT 0000831	25/12	Đặt mua 20 cái khớp nối INOX 250A của Công ty TNHH An Hiệp Phát	156 133		64.100.000 6.410.000		80.328.000 86.738.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>740.130.000</b>	<b>860.056.500</b>		
			<b><u>SDCK</u></b>					<b><u>157.049.000</u></b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### ***Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.***

Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.

Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.

### **BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

*Tài khoản: 331*

Tên tài khoản: Phải trả người bán

**Năm 2018**

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
03	Công ty TNHH An Hiệp Phát		37.123.500	740.130.000	860.056.500		157.049.000
...	...	...	...	...	...	...	...
06	Công ty cổ phần TM Thảo Hiếu.		43.112.000	564.780.000	547.154.000	25.486.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
08	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Hoàng Phát Hà Nội.		343.112.000	2.523.210.000	2.410.632.000		230.534.000
..	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>		<b>1.451.293.433</b>	<b>13.997.339.786</b>	<b>15.298.247.293</b>	<b>412.200.700</b>	<b>3.164.401.640</b>

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH CTA Việt Nam)*

### **CHƯƠNG III : MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CTA VIỆT NAM.**

#### **3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.**

Nhìn chung, bộ máy kế toán của Công ty TNHH CTA được tổ chức khoa học và hợp lý, đảm bảo được vai trò quản lý tài chính và đảm bảo công tác hạch toán kế toán tại công ty. Công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình với sự phát triển của hệ thống nhà cung cấp và khách hàng. Vì vậy, kế toán công nợ với nhà cung cấp và khách hàng ngày càng hoàn thiện hơn.

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật thì cũng có những nhược điểm cần được khắc phục, vì vậy kế toán thanh toán cần phải tìm cách phát huy những điểm mạnh đồng thời hạn chế và khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

##### **3.1.1. Ưu điểm.**

- Phương pháp hạch toán kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.
- Về tổ chức bộ máy kế toán:
  - Dựa vào quy mô và đặc điểm kinh doanh Công ty đã áp dụng hình thức kế toán tập trung. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức hợp lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các kế toán phân hành, tạo điều kiện cho công tác đối chiếu, kiểm tra được thực hiện dễ dàng, đơn giản.
  - Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác nên tạo thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận có liên quan một cách chính xác. Giúp cho việc lập báo cáo tài chính, cũng như công tác quản lý doanh nghiệp được thuận lợi.

##### ➤ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng theo hình thức sổ “Nhật ký chung”, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu từng nghiệp vụ kinh tế, bởi các nghiệp vụ được thống kê trình tự theo thời gian vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh vào các Sổ cái và Sổ chi tiết.

##### ➤ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán, hệ thống chứng từ và báo cáo tài chính:

+ Công ty mở các loại sổ sách theo hình thức Nhật ký chung, sổ sách kế toán được phản ánh, ghi chép đầy đủ, khoa học. Mỗi nghiệp vụ phát sinh đều được kiểm tra kỹ càng trước khi vào sổ.

+ Công ty TNHH CTA Việt Nam sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo TT133/2016/TT-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

+ Về hệ thống chứng từ: Tuy hệ thống chứng từ của công ty tương đối hoàn chỉnh nhưng cũng đã đủ để đảm bảo phản ánh đúng các thông tin và phù hợp với những quy định của chế độ kế toán hiện hành.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

➤ Công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:

+ Công tác thanh toán với người mua, người bán của công ty được đánh giá chung là tốt. Để dễ quản lý và theo dõi thông tin về tình hình công nợ của công ty, công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Đồng thời thuận tiện trong công tác thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu.

### **3.1.2. Hạn chế**

Tuy đã có những ưu điểm nhất định như trên, song Công ty TNHH CTA Việt Nam còn tồn tại những hạn chế về công tác thanh toán với người mua, người bán. Sau đây là một số nhược điểm của công ty:

(1) Công ty vẫn thực hiện các công tác kế toán một cách thủ công, tiến hành bằng tay hay có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, gián đoạn công tác quản lý.

(2) Đối với các khoản nợ thì công ty chưa có công tác đối chiếu công nợ để thu hồi vốn thường xuyên. Công ty chưa tạo điều kiện, cũng như lợi ích tối đa để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm và đúng hạn.

(3) Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Mặc dù thực tế có phát sinh các khoản phải thu khó đòi và thậm chí có khoản nợ không đòi được mà Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai.

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán.**

Nền kinh tế thị trường Việt Nam hiện nay mở ra rất nhiều cơ hội cho doanh nghiệp, nhưng bên cạnh đó tồn tại không ít khó khăn và thách thức đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại.

Trước những biến đổi của các doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung Công ty TNHH CTA Việt Nam nói riêng phải không ngừng đổi mới, có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp. Trong đó, có công tác kế toán và đặc biệt là công tác thanh toán.

Nghiệp vụ thanh toán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nên việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.**

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại công ty thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau thì mới đạt hiệu quả cao :

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán



có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn.

### **3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam.**

#### **Giải pháp 1: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.**

Việc áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán đang là xu hướng hiện nay với ưu điểm là mang lại hiệu quả cao trong công việc. Do đó công ty nên xem xét mua một trong những phần mềm kế toán thông dụng nhất hiện nay như MISA, Smart, Fast Accounting.... Với những phần mềm này công việc kế toán sẽ trở nên gọn nhẹ, nhanh chóng, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

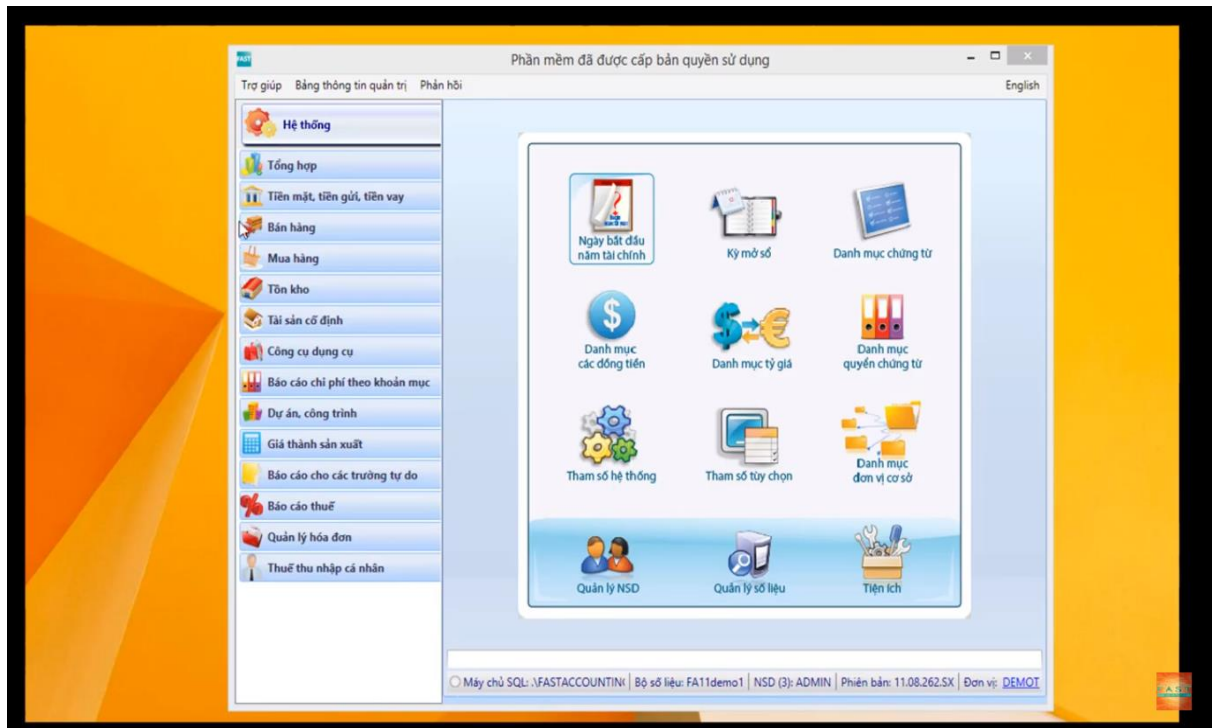
Dưới đây là một vài phần mềm phổ biến:

**\*Phần mềm kế toán MISA:** <http://www.misa.com.vn/>



MISA SME.NET là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán, phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

\* **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn/>

Fast Accounting 11 có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ... Thực hiện thu chi, thanh toán liên quan đến tiền mặt, tiền gửi hoặc tiền vay một cách chặt chẽ, chi tiết theo đúng đối tượng, theo hóa đơn, theo hợp đồng, theo khoản mục phí, ngăn chặn việc chi âm. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

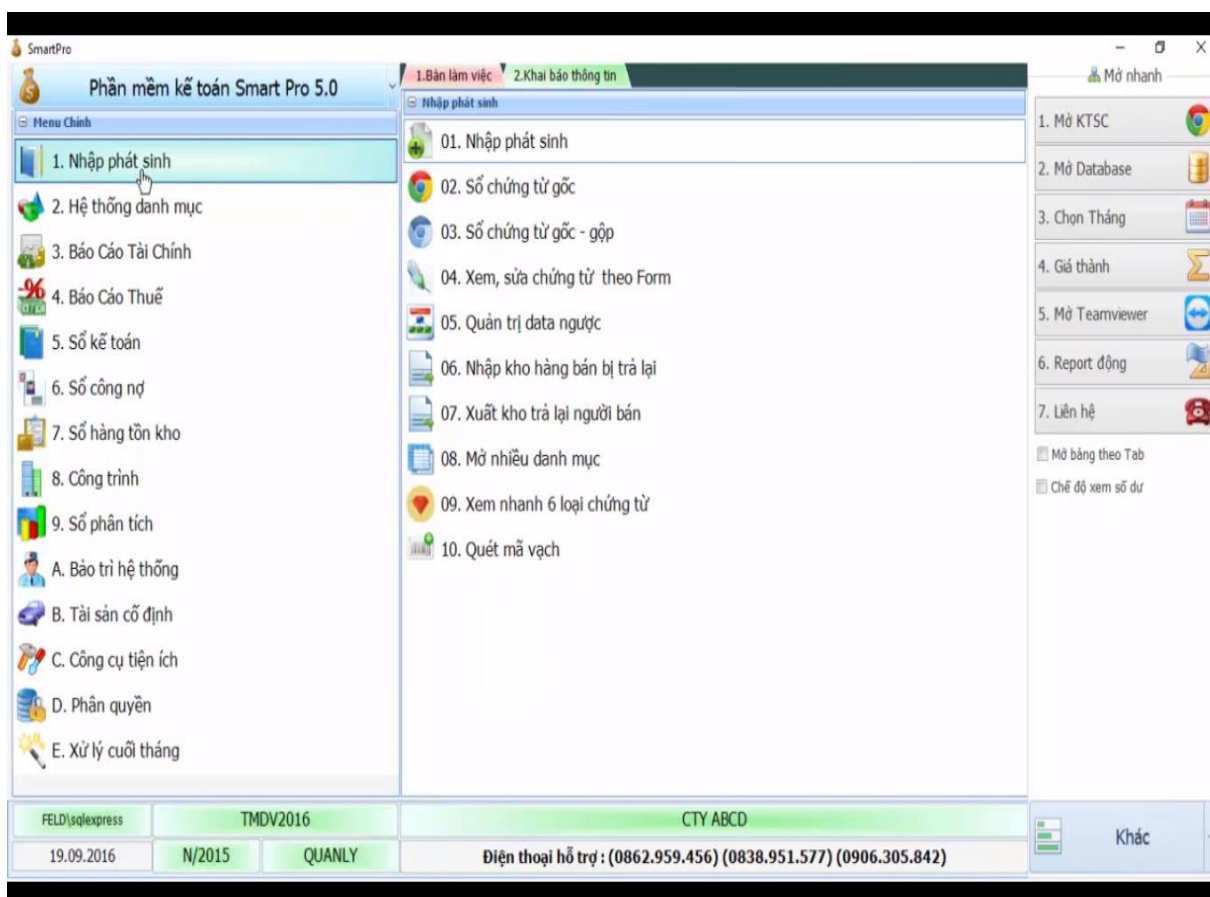
Ngoài ra, Fast Accounting cho phép truy cập và làm việc qua internet, giúp cho người sử dụng có thể làm việc mọi lúc, mọi nơi, tại văn phòng công ty, tại nhà, tại các điểm làm việc ở xa.

\* **Phần mềm kế toán Smart:** <http://www.smart.com.vn/>

Theo dõi chi tiết và tổng hợp doanh thu, chi phí theo từng bộ phận, từng công trình, hạng mục công trình, phân bổ chi phí sản xuất chung & kết chuyển chi phí tự động cho từng công trình. Phân tích doanh thu và chi phí, lãi gộp theo từng mặt hàng, nhóm hàng, hợp đồng, theo vùng miền, theo nhóm khách hàng, theo dõi chi phí theo từng bộ phận, phân tích thống kê về thị trường, doanh số và chi phí. Báo cáo doanh số theo từng nhân viên, phân tích doanh thu theo thời điểm, hạch toán hàng bán bị trả lại, gán đơn giá bán tự động theo vùng và theo nhóm đối tượng.

Tự động lập phiếu xuất kho khi bán hàng, xuất hóa đơn theo phiếu giao hàng. Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, từng công trình, thời hạn nợ, in bảng đối chiếu công nợ, xử lý chênh lệch tỷ giá tự động, cảnh báo tuổi nợ từng khách hàng. Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh tự động.

\* **Phần mềm kế toán Smart:** <http://www.smart.com.vn/>



**Giải pháp 2: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu.**

❖ Áp dụng chính sách *chiết khấu thanh toán* cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.

Chiết khấu thanh toán: là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán: Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay.

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

*Ví dụ:* Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng BIDV tại ngày 31/12/2018 là 4,8% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9%/năm. Công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,4%/ tháng đối với khách hàng thanh toán dưới 15 ngày .
- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày
- Chiết khấu 0,8%/tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

**+ Phương pháp hạch toán.**

Người bán lập phiếu chi, người mua lập phiếu thu để trả và nhận khoản chiết khấu thanh toán. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi hạch toán chiết khấu thanh toán như sau:

Nợ TK635: Chi phí tài chính.

Có TK131: (Nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu).

Có TK111, 112: (Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản).

### ❖ Đối chiếu công nợ định kì của doanh nghiệp.

Công ty phải thường xuyên đối chiếu công nợ định kì vào cuối tháng để có thể quản lý chặt chẽ mà không bỏ sót một khoản nợ nào của người mua và người bán. Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc sớm thu hồi các khoản nợ để không bị tồn đọng vốn, cũng như lên kế hoạch để thanh toán các khoản nợ người bán tránh để nợ bị quá hạn

Với công nợ phải trả, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ .

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

**Biểu số 3.1: Biên bản đối chiếu công nợ**  
**CÔNG TY TNHH CTA VIỆT NAM**  
Số: .../.../BBĐCCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**  
**VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự Do - Hạnh Phú**

Hải Phòng, Ngày...tháng...năm 2018

## BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng hóa.
- Căn cứ vào thoả thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày...tháng...năm 2018. Tại văn phòng Công ty TNHH CTA Việt Nam, chúng tôi gồm có:

**1. Bên A (Bên mua): CÔNG TY .....**

- Địa chỉ : .....
- Điện thoại : ..... Fax: .....
- Đại diện : ..... Chức vụ: .....

**2. Bên B (Bên bán): CÔNG TY TNHH CTA VIỆT NAM.**

- Địa chỉ : Số 52/482 Thiên Lôi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.
- Điện thoại : 0225.358.6878 Fax: .....
- Đại diện : Đào Trọng Tư. Chức vụ: Giám đốc.

Cùng nhau đối chiếu công nợ từ ngày .../.../2018 đến ngày .../.../2018 cụ thể như sau:

**1. Đối chiếu công nợ.**

STT	Diễn giải	Số tiền
1	Số dư đầu kỳ	
2	Số phát sinh tăng trong kỳ	
3	Số phát sinh giảm trong kỳ	
4	Số dư cuối kỳ	

(Bảng chữ: .....)

**2. Công nợ chi tiết.**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Kết luận:** Tính đến hết ngày .../.../2018 CÔNG TY.....(bên A ) còn phải thanh toán cho Công ty CTA Việt Nam (bên B) số tiền là: .....  
(Số tiền bằng chữ:.....)

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A  
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B  
(Ký tên, đóng dấu)



***Giải pháp 3: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.***

Hiện nay, Công ty TNHH CTA Việt Nam đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

*\* Nguyên tắc chung trong trích lập các khoản dự phòng:*

- *Khi lập báo cáo tài chính:* Doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được. Để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- *Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:*

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ. Doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu. Không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc khách nợ đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

- *Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả. Bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng,...

+ Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Các điều kiện khác theo quy định pháp luật.

- *Về việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

+ Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán, thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng chi phí quản lý kinh doanh.

+ Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán, thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.

- *Đối với những khoản thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm:* Doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu hồi nợ. Nhưng vẫn không thu được nợ và xác định

khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán, thì doanh nghiệp có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc có thể xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị doanh nghiệp và trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu sau khi đã xóa nợ, doanh nghiệp lại đòi được nợ đã xử lý, thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào tài khoản 711 “Thu nhập khác”.

\* *Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Theo TT228/2009/TT-BTC):*

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

\* *Tài khoản sử dụng:* Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

\* *Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

+ Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh.

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi.

+ Nếu nhỏ hơn, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi.

Có TK 642 - Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có K 711- Thu nhập khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thỏa thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK111, 112: (Theo giá bán thỏa thuận).

Nợ TK642: (Số tổn thất từ việc bán nợ).

Có TK131, 138,...

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý kinh doanh, ghi:

Nợ TK111, 112: (Theo giá thỏa thuận).

Nợ TK2293: (Số đã lập dự phòng).

Nợ TK642: (Số tổn thất từ việc bán nợ).

Có TK131, 138,...

*Ví dụ:* Theo kết quả tính toán được số tiền công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại 31/12/2018 được thể hiện trong bảng sau:

***Biểu 3.2: Bảng trích lập dự phòng phải thu khó đòi***

*Đơn vị: Công ty TNHH CTA Việt Nam.*

*Địa chỉ: Số 52/482 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, HP.*

**BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

*Ngày 31/12/2018*

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Thương mại Thảo Bình	41.720.000	8 tháng 25 ngày	30%	12.616.000
2	Công ty TNHH phát triển xây dựng và thương mại Anh Thơ	57.253.000	1 năm 1 tháng 10 ngày	50%	28.626.500
...	...	...	...	...	...
	<b>Tổng cộng</b>	<b>338.740.021</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>108.445.710</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2018 cho khoản nợ quá hạn là:  
108.445.710đ

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 108.445.710

Có TK 229(3) : 108.445.710

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

## KẾT LUẬN

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, phù hợp với quy mô và hình thức kinh doanh của công ty. Bộ máy kế toán gọn nhẹ với việc phân công công việc cụ thể, trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng cán bộ kế toán. Mọi phần hành của kế toán được theo dõi chặt chẽ.

Về lý luận, bài viết đã nêu lên những vấn đề cơ bản về công tác thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Về thực tiễn, tác giả đã phản ánh thực tế công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam (với số liệu năm 2018).

Về giải pháp, bài viết đã nêu lên một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH CTA Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Đề xuất về hiện đại hóa công tác kế toán.
- Đề xuất về việc áp dụng khoản chiết khấu thanh toán.
- Đề xuất về việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Trong nền kinh tế thị trường sôi động và cạnh tranh ngày nay, để có thể tận dụng cơ hội và tạo ra lợi thế cạnh tranh, bên cạnh việc nâng cao chất lượng và hình ảnh công ty, công tác kế toán mà đặc biệt là kế toán thanh toán với người mua, người bán là một vấn đề quan trọng của các công ty hiện nay. Kế toán là một công cụ hữu hiệu giúp cho không chỉ các nhà quản lý nắm được tình hình công ty và các nhà hoạch định kinh tế có kế hoạch phát triển trong tương lai. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, với sự giúp đỡ của phòng kế toán của Công ty TNHH CTA Việt Nam và dưới sự hướng dẫn của Ths. Nguyễn Văn Thụ đã giúp em hiểu về tổ chức bộ máy và công tác kế toán của công ty. Qua đó giúp em hiểu hơn về công tác kế toán của công ty. Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn các cán bộ nhân viên phòng kế toán của Công ty TNHH CTA Việt Nam và Ths. Nguyễn Văn Thụ đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành báo cáo này.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1, Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 2, Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Tài liệu tham khảo thư viện số Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
4. Công ty TNHH CTA Việt Nam (2018), *Sổ sách kế toán Công ty*.